

Số: 09-24/CBTT/HIPT

V/v: BCTC năm 2023

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
2. Mã chứng khoán: HIG – Sàn giao dịch UPCOM
3. Mã ISIN: VN000000HIG9
4. Địa chỉ trụ sở chính: 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
5. Điện thoại: 024 3847 4548 Fax: 024 3847 4549
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Trần Thành – Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT.
7. Nội dung công bố thông tin:
 - Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán niên độ 2023-2024, từ 01/04/2023 tới 31/03/2024, của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (chi tiết kèm theo).
 - Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh sau kiểm toán so với trước khi kiểm toán.
 - Giải trình chênh lệch của báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán: Lợi nhuận sau thuế hợp nhất trên báo cáo tài chính sau kiểm toán là 24,4 tỷ, thấp 12,2% so với trước khi kiểm toán. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ sau kiểm toán là 23,8 tỷ thấp hơn hơn 12,5% so với trước khi kiểm toán. Nguyên nhân của việc này là kiểm toán đã ghi nhận bổ sung một số chi phí giá vốn còn thiếu của kỳ này, bổ sung trích lập dự phòng với các khoản phải thu nên chi phí quản lý doanh nghiệp tăng so với trước khi kiểm toán.
 - Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và kết quả kinh doanh hợp nhất niên độ 2023-2024 so với cùng kỳ năm 2022-2023.
 - Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh niên độ 2023-2024 so với cùng kỳ 2022-2023:
 - Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo công ty mẹ niên độ 2023-2024 là 23,8 tỷ giảm 6,2 tỷ so với niên độ 2022-2023. Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo hợp nhất niên độ 2023-2024 là 24,4 tỷ giảm 6,6 tỷ so với niên độ 2022-2023. Nguyên nhân là do một số dự án vẫn đang trong quá trình triển khai, chưa nghiệm thu hoàn thành.

Chúng tôi xin cam kết những nội dung thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung thông tin công bố.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trần Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 47

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (tên viết tắt là HIPT GROUP.,JSC) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100364579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 02 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 03 tháng 08 năm 2023.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin ("CNTT") như tích hợp hệ thống, dịch vụ và phát triển phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 27 của Công ty là 225.590.300.000 VND, tương đương với 22.559.030 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 VND/1 cổ phần.

Ngày 24 tháng 06 năm 2009 Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT đã niêm yết trên UPCOM với mã chứng khoán HIG.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đặng Hoàng Giang	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 29/06/2023
Ông Lê Hải Đoàn	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023
Bà Đỗ Thị Mai	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 28/06/2023
Ông Đặng Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 21/05/2022
Ông Lê Văn Yên	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/06/2023
Bà Đặng Thị Ngọc Trâm	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/06/2023

Ủy ban kiểm toán

Bà Đỗ Thị Mai	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29/06/2023
Bà Đặng Thị Ngọc Trâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023
Ông Đặng Hoàng Giang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/05/2022

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Hải Đoàn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/06/2023
Ông Nguyễn Trần Thành	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023
Ông Trương Phúc Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trần Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Thanh Phúc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Nguyễn Cao Đăng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:
- Ông Lê Hải Đoàn – Chủ tịch HĐQT (sinh ngày 19/11/1978; dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 024078000528 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021).
- Ông Nguyễn Trần Thành – Tổng Giám đốc (sinh ngày 12/09/1977; dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 040077000650 Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 10/07/2021).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

8. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Trần Thanh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 06 năm 2024



Số: 105/2024/BCKT-PB.00472

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 06 năm 2024, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



VŨ GIANG NAM

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5246 - 2021 - 009 - 1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM –
CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 06 năm 2024

NGUYỄN VĂN VINH

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5023 - 2020 - 009 - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/03/2024 VND	01/04/2023 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		586.190.064.213	567.536.506.017
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	38.671.127.134	21.467.219.781
1. Tiền	111		38.671.127.134	21.467.219.781
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	117.119.201.184	105.521.754.431
1. Chứng khoán kinh doanh	121		139.828.754.947	108.782.311.449
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(27.007.717.063)	(17.331.252.638)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.298.163.300	14.070.695.620
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		257.187.762.428	279.048.643.793
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	223.693.230.655	250.934.603.287
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	45.074.449.123	23.642.096.822
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	16.000.000.000	5.300.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	11.942.455.512	21.258.106.924
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(39.522.372.862)	(22.086.163.240)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.8	97.797.551.956	82.685.353.419
1. Hàng tồn kho	141		97.797.551.956	82.685.353.419
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		75.414.421.511	78.813.534.593
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	1.618.412.750	2.443.892.866
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		796.008.761	3.077.349.267
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	1.000.000.000	1.292.292.460
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	5.10	72.000.000.000	72.000.000.000
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		215.927.156.283	155.967.441.239
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		56.250.000	56.250.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	56.250.000	56.250.000
II/ Tài sản cố định	220		3.076.378.023	973.726.992
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	2.222.527.210	973.726.992
- Nguyên giá	222		7.749.053.258	11.468.343.316
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.526.526.048)	(10.494.616.324)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	853.850.813	-
- Nguyên giá	228		1.000.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(146.149.187)	-
III/ Bất động sản đầu tư	230	5.13	15.680.620.000	15.680.620.000
- Nguyên giá	231		15.680.620.000	15.680.620.000
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	131.717.720.514	138.703.446.880
1. Đầu tư vào công ty con	251		51.000.000.000	53.293.570.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		69.605.026.880	85.605.026.880
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.112.693.634	9.098.420.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(9.293.570.000)
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		65.396.187.746	553.397.367
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	396.187.746	553.397.367
2. Tài sản dài hạn khác	268	5.10	65.000.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		802.117.220.496	723.503.947.256

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/03/2024 VND	01/04/2023 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		418.080.925.328	363.322.458.651
I/ Nợ ngắn hạn	310		417.580.925.328	362.822.458.651
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	85.405.014.992	183.641.500.163
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	88.556.059.540	51.064.499.587
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	3.981.278.589	76.983.267
4. Phải trả người lao động	314		6.087.532.453	9.865.097.533
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	7.270.601.552	2.142.831.216
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	10.367.423.897	2.176.334.500
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	77.827.753.869	78.258.308.965
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	138.002.524.953	35.596.903.420
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		82.735.483	-
II/ Nợ dài hạn	330		500.000.000	500.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	500.000.000	500.000.000
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		384.036.295.168	360.181.488.605
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.21	384.036.295.168	360.181.488.605
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		97.570.067.828	97.570.067.828
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.875.927.340	37.021.120.777
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		37.021.120.777	6.953.663.948
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.854.806.563	30.067.456.829
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		802.117.220.496	723.503.947.256



Nguyễn Trần Thành
Tổng Giám đốc
 Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 27 tháng 06 năm 2024

Trần Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Trang
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	966.816.165.763	796.446.577.913
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		966.816.165.763	796.446.577.913
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	866.490.385.802	686.521.464.834
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		100.325.779.961	109.925.113.079
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	15.801.108.428	7.541.315.626
7. Chi phí tài chính	22	6.4	21.148.827.756	15.574.794.023
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.043.975.239	1.753.368.070
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	42.314.507.244	38.571.724.711
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	31.637.688.943	34.731.252.436
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.025.864.446	28.588.657.535
11. Thu nhập khác	31	6.7	3.131.454.543	1.546.165.796
12. Chi phí khác	32	6.8	302.512.426	67.366.502
13. Lợi nhuận khác	40		2.828.942.117	1.478.799.294
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.854.806.563	30.067.456.829
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.854.806.563	30.067.456.829
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.057	1.333
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.057	1.333



Nguyễn Trần Thành

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 06 năm 2024

Trần Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Trang
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.854.806.563	30.067.456.829
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	443.672.787	132.732.475
- Các khoản dự phòng	03	17.901.839.530	(26.307.456.527)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	246.493.610	(161.282.089)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.868.541.373)	(5.403.304.658)
- Chi phí lãi vay	06	8.043.975.239	1.753.368.070
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	35.622.246.356	81.514.100
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(36.277.170.790)	(167.569.494.331)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(15.112.198.537)	16.706.119.720
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(48.948.811.409)	121.884.626.321
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	982.689.737	(1.465.930.857)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(31.046.443.498)	(39.470.834.256)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.086.781.588)	(1.634.002.514)
- Thuế TNDN đã nộp	15	-	(1.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(101.866.469.729)	(72.468.001.817)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.546.323.818)	(1.021.841.363)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(52.939.493.449)	(31.733.603.107)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	52.012.025.769	27.737.811.417
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(28.684.548.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	9.000.000.000	15.367.097.589
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.123.313.238	5.599.892.512
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	16.649.521.740	(12.735.190.952)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	535.451.421.340	147.735.821.059
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(433.045.799.807)	(112.138.917.639)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	102.405.621.533	35.596.903.420

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	17.188.673.544	(49.606.289.349)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	21.467.219.781	71.085.372.700
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	15.233.809	(11.863.570)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>38.671.127.134</u>	<u>21.467.219.781</u>



Nguyễn Trần Thành
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 06 năm 2024

Trần Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Trang
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (tên viết tắt là HIPT GROUP.,JSC) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100364579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 02 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 03 tháng 08 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 27 của Công ty là 225.590.300.000 VND, tương đương với 22.559.030 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 VND/1 cổ phần.

Ngày 24 tháng 06 năm 2009 Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT đã niêm yết trên UPCOM với mã chứng khoán HIG.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin ("CNTT") như tích hợp hệ thống, dịch vụ và phát triển phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 Công ty có các đơn vị thành viên như sau:

Chi nhánh	Địa chỉ		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT	Số 16 Trương Định, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh		
Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần HIPT	Hà Nội, Việt Nam	51%	51%
Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Lam Hồng	Hà Nội, Việt Nam	25%	25%
Công ty Cổ phần Nông sản Trung Ương 6	Hà Nội, Việt Nam	36%	36%
Công ty CP Đầu tư - xây dựng công trình văn hóa Đô Thị	Hà Nội, Việt Nam	30%	30%

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 70 người (tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 là 67 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm trước và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 dương lịch năm sau.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí thuê văn phòng. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với thời gian thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05
Máy móc thiết bị	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 06

4.8 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính: không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và trích khấu hao theo đường thẳng trong vòng 5 đến 8 năm.

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá nếu có bằng chứng cho thấy giá trị thị trường của Bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

4.10 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty con:

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Một khoản đầu tư được coi là nắm quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ đi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một quy chế hoặc thoả thuận;
- Quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm đa số thành viên của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc bộ phận quản lý tương đương tại Công ty con.

Góp vốn liên doanh:

Công ty liên doanh là công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thoả thuận của hợp đồng liên doanh.

Đầu tư vào các công ty liên kết:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác).

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh vào các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với các bên được đầu tư.

Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư tài chính được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi các khoản dự phòng tổn thất đầu tư (nếu có). Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của Công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi bán cổ phiếu quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế lũy kế còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện phân phối lợi nhuận tại thời điểm báo cáo.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn 02 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hoá, dịch vụ. Các khoản chi phí phát sinh trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.18 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ được áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp các khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
Tiền mặt	426.501.937	232.382.078
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.244.625.197	21.234.837.703
Cộng	38.671.127.134	21.467.219.781

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**5.2.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/03/2024			01/04/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
a) Chứng khoán kinh doanh						
Cổ phiếu	139.828.754.947	(27.007.717.063)	-	108.782.311.449	(17.331.252.638)	-
Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex - PGI	13.968.015.594	(3.265.515.594)	(i)	13.726.835.594	-	(i)
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - TPB	26.267.588.000	(1.758.353.400)	(i)	15.622.200.000	(1.245.480.000)	(i)
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO - VTO	13.345.018.738	-	(i)	12.295.257.738	(200.685.738)	(i)
CTCP Ánh Dương Việt Nam - VNS	17.671.740.724	(4.978.140.724)	(i)	23.913.185.198	(926.675.198)	(i)
CTCP Chế tạo máy Vinacomin - CTT	16.002.898.806	(2.874.767.806)	(i)	8.347.348.806	(2.701.148.806)	(i)
Khác	52.573.493.085	(14.130.939.539)	(i)	34.877.484.113	(12.257.262.896)	(i)
Cộng	139.828.754.947	(27.007.717.063)	-	108.782.311.449	(17.331.252.638)	-

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	4.298.163.300	4.298.163.300	14.070.695.620	14.070.695.620
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	4.298.163.300	4.298.163.300	14.070.695.620	14.070.695.620
Cộng	<u>4.298.163.300</u>	<u>4.298.163.300</u>	<u>14.070.695.620</u>	<u>14.070.695.620</u>

(i) Các tài khoản tiền gửi này được sử dụng làm tài khoản phong tỏa tại các ngân hàng thương mại để bảo lãnh thực hiện hợp đồng, trong đó:

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng (quay vòng kỳ hạn) tại các Ngân hàng:

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (lãi suất 3%).
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (lãi suất 4,75%)
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (lãi suất 3,5%)
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (lãi suất 3,7%)

Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long (lãi suất 6,1%).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/03/2024			01/04/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	51.000.000.000	-	-	53.293.570.000	(2.293.570.000)	-
Công ty CP PT Nguồn nhân lực chân trời mới Hà Nội	-	-	(i)	2.293.570.000	(2.293.570.000)	(i)
Công ty CP HIPT	51.000.000.000	-	(i)	51.000.000.000	-	(i)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	69.605.026.880	-	-	85.605.026.880	(7.000.000.000)	-
Thời báo doanh nhân	-	-	(i)	2.000.000.000	(2.000.000.000)	(i)
Công ty CP công nghệ 3D	-	-	(i)	2.500.000.000	(2.500.000.000)	(i)
Công ty CP dịch vụ kỹ nghệ hàng không Việt	-	-	(i)	2.500.000.000	(2.500.000.000)	(i)
Công ty CP CNTT Lam Hồng	800.000.000	-	(i)	800.000.000	-	(i)
Công ty CP Đầu tư - XD Công trình văn hoá và đô thị	15.900.000.000	-	(i)	24.900.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Nông sản Trung Ương 6	52.905.026.880	-	(i)	52.905.026.880	-	(i)
Đầu tư vào đơn vị khác	11.112.693.634	-	-	9.098.420.000	-	-
Công ty CP tin học viễn thông hàng không	9.098.420.000	-	(i)	9.098.420.000	-	(i)
Công ty CP Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10	2.014.273.634	-	(i)	-	-	(i)
Cộng	131.717.720.514	-	-	147.997.016.880	(9.293.570.000)	-

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	23.113.316.492	-
Công ty CP HIPT	-	-	23.113.316.492	-
Phải thu các khách hàng khác	223.693.230.655	(37.577.174.541)	227.821.286.795	(16.815.148.528)
Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng	56.800.532.619	(30.472.352.814)	56.800.532.619	(13.059.579.778)
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	22.528.509.920	-	8.744.465.810	-
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	3.754.809.200	-	23.996.962.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	31.712.686.258	-	80.246.331.728	-
Công ty TNHH Công Nghệ và Thương Mại Tấn Phát	11.536.528.500	-	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	9.545.998.000	-	-	-
Các khách hàng khác	87.814.166.158	(7.104.821.727)	58.032.994.638	(3.755.568.750)
Cộng	223.693.230.655	(37.577.174.541)	250.934.603.287	(16.815.148.528)

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước bên liên quan	-	-	-	-
Trả trước các khách hàng khác	45.074.449.123	-	23.642.096.822	-
Công ty CP Tập đoàn ASI	-	-	2.846.734.649	-
Công ty CP Tích hợp công nghệ truyền thông và tri thức mới NKG	11.318.850.000	-	6.363.320.456	-
JTRI	-	-	5.342.803.580	-
D2P ASIA PTE. LTD.	-	-	3.767.014.400	-
Công ty CP Nam Trường Sơn Hà Nội	8.312.095.600	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Bắc Vượng	6.904.516.001	-	-	-
Công ty TNHH MTV THS Electric	5.750.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	12.788.987.522	-	5.322.223.737	-
Cộng	45.074.449.123	-	23.642.096.822	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu đối tượng khác	16.000.000.000	-	5.300.000.000	-
Ông Võ Văn Mai	-	-	5.300.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Bắc Vương (i)	16.000.000.000	-	-	-
Cộng	16.000.000.000	-	5.300.000.000	-

- (i) Cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Tập đoàn Agri-Vina theo Hợp đồng cho Vay tiền số 1910/2023/HDCVT/AGRIVINA-HIPT ngày 19/10/2023. Tổng số tiền vay là 24 tỷ đồng, thời hạn vay là 180 ngày kể từ ngày Ủy nhiệm chi. Lãi suất vay là 10%/năm theo quy ước 365 ngày/năm. Để đảm bảo cho khoản vay này, ông Vũ Ngọc Anh (cổ đông sở hữu 61.81% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Agri-Vina) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Agri-Vina đồng ý thế chấp 4.000.000 cổ phần (Bốn triệu cổ phần) của ông Vũ Ngọc Anh tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Agri-Vina làm tài sản đảm bảo cho khoản vay.

5.6 Phải thu khác**5.6.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các đối tượng	11.942.455.512	(1.720.637.322)	21.258.106.924	(5.271.014.712)
Phạm Việt Giang	-	-	4.045.633.000	(4.045.633.000)
Lãi cho vay phải thu	845.479.452	-	-	-
Các cá nhân góp vốn đầu tư XD CB	664.650.871	(465.255.610)	-	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	536.559.145	-	1.918.470.270	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	7.577.119.080	(1.227.500.000)	11.284.130.524	(1.197.500.000)
Phải thu khác	2.318.646.964	(27.881.712)	4.009.873.130	(27.881.712)
Cộng	11.942.455.512	(1.720.637.322)	21.258.106.924	(5.271.014.712)

5.6.2 Phải thu khác dài hạn

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	56.250.000	-	56.250.000	-
Cộng	56.250.000	-	56.250.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	T/g quá hạn	31/03/2024		01/04/2023	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND	VND	VND
Nợ phải thu khách hàng quá hạn		50.636.754.319	13.059.579.778	50.636.754.319	33.821.605.791
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	> 3 năm	525.144.840	-	525.144.840	-
Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng	> 2 năm	43.531.932.593	13.059.579.778	43.531.932.593	30.472.352.815
Bộ tư lệnh 86/BQP	> 3 năm	3.230.423.910	-	3.230.423.910	-
Công ty CP Viễn Thông - Tin học Bưu Điện (CT-IN)	> 3 năm	1.948.224.816	-	1.948.224.816	1.948.224.816
Công ty TNHH MTV TM Công nghệ Hùng Phương	> 3 năm	1.401.028.160	-	1.401.028.160	1.401.028.160
Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Hà Tĩnh	> 3 năm	157.343.000	-	157.343.000	157.343.000
Các khoản phải thu khác quá hạn		759.750.583	199.395.262	4.805.383.583	731.868.871
Phạm Việt Giang	> 3 năm	-	-	4.045.633.000	-
Công ty CP Đầu tư Phú Bình Group	> 3 năm	27.881.712	-	27.881.712	-
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn	> 3 năm	40.178.000	-	40.178.000	40.178.000
Sở thông tin truyền thông Trà Vinh	> 3 năm	27.040.000	-	27.040.000	27.040.000
Các cá nhân góp vốn đầu tư XD CB	> 2 năm	664.650.871	199.395.262	664.650.871	664.650.871
Các khoản tạm ứng quá hạn		1.227.500.000	-	1.227.500.000	30.000.000
Lê Việt Dũng	> 3 năm	1.227.500.000	-	1.227.500.000	30.000.000
Cộng		52.781.347.902	13.258.975.040	56.826.980.902	34.740.817.662

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.8 Hàng tồn kho

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	77.182.907.207	-	76.334.533.807	-
Hàng hoá	20.614.644.749	-	6.350.819.612	-
Cộng	97.797.551.956	-	82.685.353.419	-

5.9 Chi phí trả trước**5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/03/2024 VND	01/04/2023 VND
Chi phí thuê văn phòng	1.357.537.222	1.109.566.666
Chi phí trả trước ngắn hạn chờ phân bổ	260.875.528	127.659.534
Chi phí thuê xe	-	450.000.000
Chi phí tư vấn	-	756.666.666
Cộng	1.618.412.750	2.443.892.866

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2024 VND	01/04/2023 VND
Chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ	396.187.746	553.397.367
Cộng	396.187.746	553.397.367

5.10 Tài sản khác**5.10.1 Tài sản ngắn hạn khác**

Là khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt.

Tháng 1 năm 2011, Công ty đã ký kết thoả thuận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó ngày 17/01/2011, Công ty nhận được khoản thanh toán trị giá 72 tỷ VND. Theo thoả thuận, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11/12/2013 và trong thời gian chờ chuyển nhượng, toàn bộ lợi ích liên quan đến khoản đầu tư này thuộc về bên thứ ba nói trên. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 03 năm 2024, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Do đó Công ty vẫn ghi nhận giá gốc khoản đầu tư vào khoản mục "Tài sản ngắn hạn khác" với số tiền 72.000.000.000 VND và ghi nhận tương ứng số tiền đã nhận được từ bên thứ ba vào khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác" được trình bày tại Thuyết minh số 5.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.10.2 Tài sản dài hạn khác

Là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, các hồ sơ sở hữu các công ty góp vốn được hoàn thành sau ngày 31 tháng 03 năm 2024, các đơn vị nhận góp vốn cụ thể:

- Góp vốn vào Công ty TNHH VBP theo Nghị quyết hội đồng quản trị số 25-23/NQ-HĐQT ngày 22/11/2023, giá trị đầu tư đến 31 tháng 03 năm 2024 là 50 tỷ đồng, mức định giá cổ phần sẽ được xác định bằng 8 lần EBITDA của Công ty TNHH VBP năm 2025.
- Góp vốn vào Công ty TNHH Hải Phong Hà Nội theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 1910.2.2023.CNVG-HP ngày 19/10/2023, giá trị đầu tư đến 31 tháng 03 năm 2024 là 7 tỷ đồng.
- Góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hoàng Nam theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 1910.1.2023.CNVG-HN ngày 19/10/2023, giá trị đầu tư đến 31 tháng 03 năm 2024 là 8 tỷ đồng.

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư tại 01/04/2023	54.038.000	957.877.727	10.456.427.589	11.468.343.316
Mua trong kỳ	-	1.460.242.000	86.081.818	1.546.323.818
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.265.613.876)	(5.265.613.876)
Số dư tại 31/03/2024	54.038.000	2.418.119.727	5.276.895.531	7.749.053.258
Giá trị hao mòn				
Số dư tại 01/04/2023	26.389.525	84.812.090	10.383.414.709	10.494.616.324
Khấu hao trong kỳ	18.012.667	233.816.123	45.694.810	297.523.600
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.265.613.876)	(5.265.613.876)
Số dư tại 31/03/2024	44.402.192	318.628.213	5.163.495.643	5.526.526.048
Giá trị còn lại				
Số dư tại 01/04/2023	27.648.475	873.065.637	73.012.880	973.726.992
Số dư tại 31/03/2024	9.635.808	2.099.491.514	113.399.888	2.222.527.210
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng				
Số dư tại 01/04/2023	-	-	10.326.218.818	10.326.218.818
Số dư tại 31/03/2024	-	-	5.060.604.942	5.060.604.942

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.12 Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư tại 01/04/2023	-	-	-
Mua trong năm	1.000.000.000		1.000.000.000
Số dư tại 31/03/2024	<u>1.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.000.000.000</u>
Giá trị hao mòn			
Số dư tại 01/04/2023	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	146.149.187		146.149.187
Số dư tại 31/03/2024	<u>146.149.187</u>	<u>-</u>	<u>146.149.187</u>
Giá trị còn lại			
Số dư tại 01/04/2023	-	-	-
Số dư tại 31/03/2024	<u>853.850.813</u>	<u>-</u>	<u>853.850.813</u>
Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Số dư tại 01/04/2023	-	-	-
Số dư tại 31/03/2024	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

5.13 Bất động sản đầu tư

	01/04/2023	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/03/2024
	VND	VND	VND	VND
Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
	<u>15.680.620.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>15.680.620.000</u>
Tồn thất do suy giảm giá trị				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	15.680.620.000			15.680.620.000
	<u>15.680.620.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>15.680.620.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả nhà cung cấp	85.405.014.992	85.405.014.992	183.641.500.163	183.641.500.163
Công ty CP Phần mềm FIT	4.223.216.000	4.223.216.000	21.037.499.000	21.037.499.000
Công ty CP Đầu tư tin học Đồng Lợi	-	-	44.051.280.840	44.051.280.840
M-Security Technology Indochina PTE.LTD	9.468.508.380	9.468.508.380	26.290.258.281	26.290.258.281
BTG Asia Co., Limited	2.122.732.624	2.122.732.624	2.008.826.580	2.008.826.580
Công ty CP Đầu tư và Phát triển công nghệ quốc gia ADG	11.852.295.180	11.852.295.180	7.555.739.615	7.555.739.615
Công ty TNHH Tech Data Advanced Solution (VN) - (AVNET cũ)	2.699.041.020	2.699.041.020	14.464.487.100	14.464.487.100
Công ty CP Công nghệ Elite	5.224.851.011	5.224.851.011	25.769.786.195	25.769.786.195
Công ty CP HIPT DX JTRI	-	-	6.630.262.481	6.630.262.481
Cty CP PT Công nghệ Viễn Thông Tin học Sun Việt	11.600.867.460	11.600.867.460	-	-
Các nhà cung cấp khác	9.977.180.400	9.977.180.400	380.706.480	380.706.480
Cộng	28.236.322.917	28.236.322.917	35.452.653.591	35.452.653.591
	85.405.014.992	85.405.014.992	183.641.500.163	183.641.500.163

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	18.378.990.221	18.378.990.221	-	-
Công ty CP HIPT	18.378.990.221	18.378.990.221	-	-
Người mua trả tiền trước khác	70.177.069.319	70.177.069.319	51.064.499.587	51.064.499.587
Ban quản lý các dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo Công an thành Phố Tây Ninh	11.985.000.000	11.985.000.000	6.869.421.250	6.869.421.250
Trường Đại Học Khoa học tự nhiên	-	-	8.623.245.549	8.623.245.549
Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC)	-	-	4.386.897.400	4.386.897.400
TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CÔNG TY CỔ PHẦN	6.056.016.000	6.056.016.000	-	-
Cục Bưu điện Trung ương	14.904.807.000	14.904.807.000	-	-
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên	17.296.920.000	17.296.920.000	-	-
Các đối tượng khác	19.934.326.319	19.934.326.319	17.861.917.388	17.861.917.388
Cộng	88.556.059.540	88.556.059.540	51.064.499.587	51.064.499.587

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.16 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng (i)	-	-	19.719.945.769	15.934.099.690	-	3.785.846.079
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	5.297.233	5.297.233	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	292.292.460	-	906.335.683	464.987.304	-	149.055.919
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	3.100.750	3.100.750	-	-
Các loại thuế khác	-	76.983.267	5.832.527.761	5.863.134.437	-	46.376.591
Cộng	1.292.292.460	76.983.267	26.467.207.196	22.270.619.414	1.000.000.000	3.981.278.589

(i) Thuế GTGT đầu ra phải nộp của Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	957.193.651	-
Trích trước giá vốn các dự án	6.067.386.884	1.722.988.960
Trích trước chi phí tiền điện	128.421.017	156.584.780
Chi phí khác	117.600.000	263.257.476
Cộng	7.270.601.552	2.142.831.216

5.18 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
Doanh thu từ bảo hành, bảo trì	10.367.423.897	2.176.334.500
Cộng	10.367.423.897	2.176.334.500

5.19 Các khoản phải trả khác**5.19.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan	-	-	893.161.330	893.161.330
Ông Lê Hải Đoàn	-	-	893.161.330	893.161.330
Phải trả các đối tượng khác	77.827.753.869	77.827.753.869	77.365.147.635	77.365.147.635
Ban điều hành Đề án 112 Chính Phủ	2.656.280.900	2.656.280.900	2.656.280.900	2.656.280.900
Tạm ứng mua cổ phần tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Thuyết minh 5.10)	72.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000
Kinh phí công đoàn	348.398.554	348.398.554	148.053.382	148.053.382
Bảo hiểm xã hội	114.123.859	114.123.859	68.996.678	68.996.678
Bảo hiểm thất nghiệp	7.937.719	7.937.719	4.887.800	4.887.800
Cổ tức phải trả	304.904.075	304.904.075	304.904.075	304.904.075
Phải trả khác	2.396.108.762	2.396.108.762	2.182.024.800	2.182.024.800
Cộng	77.827.753.869	77.827.753.869	78.258.308.965	78.258.308.965

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.19.2 Phải trả dài hạn khác

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các cá nhân uỷ thác đầu tư dài hạn	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.20 Vay và nợ thuê tài chính**5.20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/03/2024		Trong năm		01/04/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1>Vay ngắn hạn	138.002.524.953	138.002.524.953	535.451.421.340	433.045.799.807	35.596.903.420	35.596.903.420
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIBank) (i)	-	-	5.179.774.261	7.152.717.587	1.972.943.326	1.972.943.326
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) - CN Ba Đình (ii)	77.536.829.835	77.536.829.835	361.290.230.723	312.419.534.182	28.666.133.294	28.666.133.294
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm - PGD Hồ Gươm (iii)	11.526.194.830	11.526.194.830	77.525.436.847	70.957.068.817	4.957.826.800	4.957.826.800
Ngân hàng TMCP Quân Đội - PGD Từ Liêm-CN Hoàng Quốc Việt (iv)	9.139.500.288	9.139.500.288	9.139.500.288	-	-	-
Công ty cổ phần HIPT DX (v)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB)	-	-	36.737.644.221	36.737.644.221	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam(VCB) - SGD	-	-	778.835.000	778.835.000	-	-
Vay ngắn hạn các cá nhân (vi)	9.800.000.000	9.800.000.000	14.800.000.000	5.000.000.000	-	-
2> Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Cộng	138.002.524.953	138.002.524.953	535.451.421.340	433.045.799.807	35.596.903.420	35.596.903.420

5.20.2 Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

(i): Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2232848.23 ngày 10/03/2023; hạn mức tín dụng là: 50 tỷ VND, trong đó hạn mức vay tối đa là 20 tỷ VND; mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất cho vay quy định cụ thể tại từng kế ước nhận nợ; tài sản đảm bảo: Khoản phải thu từ hợp đồng đầu ra với các đối tác cụ thể.

(ii): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng cấp tín dụng số BDN202064399/HĐCTD ngày 22/12/2020 và phụ lục số BDN202064399/HĐCTD/PLHM-848157 ngày 08/02/2023 với tổng hạn mức tín dụng là 290 tỷ đồng, trong đó hạn mức vay tối đa là 100 tỷ đồng, thời

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

hạn sử dụng hạn mức tín dụng từ ngày 08/02/2023 đến ngày 31/12/2023; mục đích cấp tín dụng; phụ lục số BDN202064399/HĐCTD/PLHM-1546272 ngày 08/02/2023 điều chỉnh thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng từ ngày 08/02/2023 đến ngày 29/02/2024: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay tối đa của từng khoản vay là 9 tháng; lãi suất quy định theo từng Đơn đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ; Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số TLG2023TSDB989842/HĐTC ký ngày 11/05/2023 để thế chấp tài sản là 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

(iii): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm – PGD Hồ Gươm theo Hợp đồng cấp tín dụng số 123/2023/HĐTD/HGM ngày 21/07/2023 với tổng hạn mức tín dụng là 200 tỷ đồng, trong đó hạn mức vay tối đa là 100 tỷ đồng, thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng này. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động cung cấp, lắp đặt vật tư thiết bị, giải pháp công nghệ thông tin – viễn thông của Khách hàng. Thời hạn cho vay tối đa của từng khoản vay là 9 tháng, lãi suất cho vay quy định cụ thể tại từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo căn cứ theo các hợp đồng đảm bảo số: 87/2023/HĐBD/HGM ký ngày 11/05/2023; 88/2023/HĐBD/HGM ký ngày 11/05/2023.

(iv): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo hợp đồng cấp tín dụng số 127457.23.012.270263 ngày 24/05/2023 với tổng hạn mức tín dụng là 130 tỷ đồng, trong đó hạn mức vay là 30 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức tín dụng kể từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 20/03/2024. Mục đích cho vay để phục vụ hoạt động kinh doanh thiết bị, phần mềm, dịch vụ công nghệ thông tin của khách hàng; lãi suất quy định theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ hình thành theo từng lần giải ngân.

(v): Vay ngắn hạn Công ty cổ phần HIPT DX theo hợp đồng cấp tín dụng số 88/2023/DX ngày 29/06/2023, với tổng hạn mức là 30 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 01 năm kể từ ngày giải ngân từng lần, lãi suất cho vay là 7,5% năm (tính theo ngày, trên cơ sở 30 ngày/tháng).

(vi): Vay ngắn hạn các cá nhân:

- Vay ông Lê Hải Đoàn theo Hợp đồng vay tiền số 01-2024/HĐCVT/HIPT ngày 22/01/2024 giữa Ông Lê Hải Đoàn (Bên cho vay) và Công ty cổ phần tập đoàn HIPT (Bên vay); số tiền vay tối đa: 30 tỷ đồng; thời hạn vay: 1 năm kể từ ngày giải ngân từng lần; lãi suất: 0,5%/tháng (tính theo ngày, trên cơ sở 30 ngày/tháng). Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty. Số dư tại 31/03/2024 là 5 tỷ đồng.

- Vay ông Nguyễn Ngọc Tùng theo Hợp đồng vay tiền số 05/2024/HĐCVT/HIPT ngày 28/03/2024 giữa Ông Nguyễn Ngọc Tùng (Bên cho vay) và Công ty cổ phần tập đoàn HIPT (Bên vay); số tiền vay: 2,5 tỷ đồng; thời hạn vay: không xác định; lãi suất: 6%/năm. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty. Số dư tại 31/03/2024 là 2,5 tỷ đồng.

- Vay ông Bùi Quang Sơn theo Hợp đồng vay tiền số 04/2024/HĐCVT/HIPT ngày 27/03/2024 giữa Ông Bùi Quang Sơn (Bên cho vay) và Công ty cổ phần tập đoàn HIPT (Bên vay); số tiền vay: 2,3 tỷ đồng; thời hạn vay: 06 tháng; lãi suất: 6%/năm. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty. Số dư tại 31/03/2024 là 2,3 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.21 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)**5.21.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/04/2022	225.590.300.000	97.570.067.828	-	6.953.663.948	330.114.031.776
Lãi trong năm trước	-	-	-	30.067.456.829	30.067.456.829
Số dư tại 31/03/2022	225.590.300.000	97.570.067.828	-	37.021.120.777	360.181.488.605
Số dư tại 01/04/2023	225.590.300.000	97.570.067.828	-	37.021.120.777	360.181.488.605
Lãi trong năm nay	-	-	-	23.854.806.563	23.854.806.563
Số dư tại 31/03/2024	225.590.300.000	97.570.067.828	-	60.875.927.340	384.036.295.168

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Lê Hải Đoàn	86.668.880.000	38,42%	86.668.880.000	38,42%
Công ty TNHH VBP	39.990.000.000	17,73%	39.990.000.000	17,73%
Tập đoàn Bảo Việt	19.870.310.000	8,81%	19.870.310.000	8,81%
Công ty TNHH Kế toán và tư vấn VBP	11.410.000.000	5,06%	11.410.000.000	5,06%
Các cổ đông khác	67.651.110.000	29,99%	67.651.110.000	29,99%
Cộng	225.590.300.000	100%	225.590.300.000	100%

5.21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp đầu năm	225.590.300.000	225.590.300.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	225.590.300.000	225.590.300.000

5.21.4 Cổ phiếu

	31/03/2024 Cổ phiếu	01/04/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.559.030	22.559.030
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.559.030	22.559.030
Cổ phiếu phổ thông	22.559.030	22.559.030
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.559.030	22.559.030
Cổ phiếu phổ thông	22.559.030	22.559.030
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a) Ngoại tệ các loại**

	31/03/2024	01/04/2023
USD	12.349,56	21.934,03
EUR	4.972,88	4.993,53

b) Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
Phải thu Công ty cho thuê tài chính BIDV	221.726.000	221.726.000
Phải thu ông Trần Phúc Toàn	148.500.000	148.500.000
Phải thu văn phòng Nokia Hà Nội	87.708.660	87.708.660
Công ty TNHH HIPT Mobile	20.991.178.683	20.991.178.683
Công ty CP Đội công nghệ 3D Hà Nội (Công ty liên kết)	663.440.566	663.440.566
Công ty CP Dịch vụ kỹ nghệ hàng không Việt (Công ty liên kết)	77.333.520	77.333.520
Thanh tra TP. Hồ Chí Minh	3.658.380	3.658.380
Văn phòng UBND Q. Bình Thạnh	25.693.600	25.693.600
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.310.284.298	1.310.284.298
Cộng	23.529.523.707	23.529.523.707

c) Cổ tức nhận bằng cổ phiếu

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu từ chứng khoán kinh doanh	31/03/2024	01/04/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ tức CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh (HMC)	19.890	-
Cổ tức Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PGI)	97.500	-
Cổ tức Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông (SVT)	62.099	-
Cổ tức Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPB)	253.794	-

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	667.839.405.767	545.141.909.516
Doanh thu từ dịch vụ, phần mềm, chương trình	297.936.567.424	250.298.637.052
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.040.192.572	1.006.031.345
Cộng	966.816.165.763	796.446.577.913

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	614.532.962.025	501.952.450.346
Giá vốn cung cấp dịch vụ, phần mềm, chương trình	250.978.663.668	217.120.822.137
Giá vốn cho thuê văn phòng	978.760.109	1.066.228.902
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán (i)	-	(33.618.036.551)
Cộng	866.490.385.802	686.521.464.834

- (i) Khoản ghi giảm giá vốn năm trước là hoàn trích trước chi phí dự án Camels 10-10/2014 với Cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Chi phí này đã hạch toán vào kết quả kinh doanh và loại trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021.

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.164.964.906	836.837.922
Lãi bán chứng khoán	2.817.384.583	1.180.862.623
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.886.191.884	4.763.054.590
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	932.567.055	510.001.521
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	250.558.970
Cộng	15.801.108.428	7.541.315.626

6.4 Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	8.043.975.239	1.753.368.070
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư vào đơn vị khác	-	691.821.033
Lỗ từ bán chứng khoán	-	12.320.552.227
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	1.985.962.100	897.158.281
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh và tổn thất đầu tư	11.072.848.059	4.228.895.837
Chi phí tài chính khác	46.042.358	154.238.068
Các khoản ghi giảm chi phí tài chính (i)	-	(4.471.239.493)
Cộng	21.148.827.756	15.574.794.023

- (i) Khoản ghi giảm chi phí tài chính năm trước là hoàn nhập Trích trước chi phí thường cho Tổng giám đốc do quản lý tài khoản chứng khoán có lãi theo nghị quyết số 32-21/NQ/HĐQT/HIPT ngày 15/9/2021 và hoàn nhập một phần chi phí thường hiệu quả do Quyết định của Tổng giám đốc về việc thường hiệu quả.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	27.478.730.041	28.849.070.967
Chi phí vật liệu, bao bì	159.004.942	114.647.350
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	391.709.203	353.475.652
Chi phí khấu hao TSCĐ	26.842.721	22.380.453
Chi phí bảo hành	4.080.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.505.745.105	4.164.436.821
Chi phí bằng tiền khác	8.748.395.232	5.067.713.468
Cộng	42.314.507.244	38.571.724.711

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.939.875.125	7.067.156.039
Chi phí vật liệu quản lý	15.970.489	7.965.056
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.928.514.676	791.716.242
Chi phí khấu hao TSCĐ	417.302.031	146.856.191
Thuế, phí và lệ phí	238.528.793	359.662.232
Chi phí dự phòng	16.039.825.988	17.487.503.688
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.138.933.291	7.487.064.489
Chi phí bằng tiền khác	918.738.550	1.383.328.499
Cộng	31.637.688.943	34.731.252.436

6.7 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	-	1.925.000
Các khoản được hưởng, được bồi thường	3.131.004.543	1.520.961.097
Các khoản khác	450.000	23.279.699
Cộng	3.131.454.543	1.546.165.796

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

6.8 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	3.459.578	29.790.502
Các khoản phạt vi phạm hợp đồng	298.302.848	37.176.000
Các khoản khác	750.000	400.000
Cộng	302.512.426	67.366.502

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.854.806.563	30.067.456.829
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	(11.777.811.797)	(38.268.903.180)
Các khoản điều chỉnh tăng	3.459.578	112.187.961
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	-	27.500.000
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ năm trước</i>	-	54.897.459
<i>Chi phí phạt vi phạm hành chính</i>	3.459.578	29.790.502
Các khoản điều chỉnh giảm	(11.781.271.375)	(38.381.091.141)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(10.886.191.884)	(4.763.054.590)
<i>Khoản điều chỉnh giảm giá vốn đã loại trừ chi phí khi tính thuế TNDN năm trước (xem thuyết minh 6.2)</i>	-	(33.618.036.551)
<i>Khoản lãi dự thu từ hợp đồng cho vay</i>	(845.479.452)	-
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ năm trước</i>	(11.863.570)	-
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền gửi và phải thu cuối kỳ</i>	(37.736.469)	-
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Các khoản lỗ được kết chuyển	(12.547.880.657)	-
<i>Lỗ kết chuyển năm 2021</i>	(1.238.451.271)	-
<i>Lỗ kết chuyển năm 2022</i>	(8.201.446.351)	-
<i>Khoản điều chỉnh cho thu nhập tính thuế năm 2022</i>	(3.107.983.035)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(470.885.891)	(8.201.446.351)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	-	-

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày về lãi cơ bản trên cổ phiếu trong báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	535.451.421.340	147.735.821.059

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	433.045.799.807	112.138.917.639

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty. Các loại công cụ tài chính của Công ty:

	31/03/2024		Giá trị ghi sổ 01/04/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.671.127.134	-	21.467.219.781	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	235.691.936.167	(39.522.372.862)	272.248.960.211	(22.086.163.240)
Đầu tư tài chính	275.844.638.761	(27.007.717.063)	270.850.023.949	(26.624.822.638)
	550.207.702.062	(66.530.089.925)	564.566.203.941	(48.710.985.878)

	31/03/2024		Giá trị ghi sổ 01/04/2023	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	138.002.524.953		35.596.903.420	
Phải trả người bán và phải trả khác	163.732.768.861		262.399.809.128	
Chi phí phải trả	7.270.601.552		2.142.831.216	
	309.005.895.366		300.139.543.764	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tại ngày 31/03/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.671.127.134	-	-	38.671.127.134
Phải thu khách hàng và phải thu khác	196.113.313.305	56.250.000	-	196.169.563.305
Đầu tư tài chính	117.119.201.184	-	131.717.720.514	248.836.921.698
Cộng	351.903.641.623	56.250.000	131.717.720.514	483.677.612.137
Tại ngày 01/04/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.467.219.781	-	-	21.467.219.781
Phải thu khách hàng và phải thu khác	228.848.440.047	-	-	228.848.440.047
Đầu tư tài chính	105.521.754.431	-	138.703.446.880	244.225.201.311
Cộng	355.837.414.259	-	138.703.446.880	494.540.861.139

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/03/2024				
Vay và nợ	138.002.524.953	-	-	138.002.524.953
Phải trả người bán và phải trả khác	163.232.768.861	500.000.000	-	163.732.768.861
Chi phí phải trả	7.270.601.552	-	-	7.270.601.552
Cộng	308.505.895.366	500.000.000	-	309.005.895.366
Tại ngày 01/04/2023				
Vay và nợ	35.596.903.420	-	-	35.596.903.420
Phải trả người bán và phải trả khác	261.899.809.128	500.000.000	-	262.399.809.128
Chi phí phải trả	2.142.831.216	-	-	2.142.831.216
Cộng	299.639.543.764	500.000.000	-	300.139.543.764

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan tới Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương thưởng Ban Tổng GD				
Lê Hải Đoàn	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày	Lương	816.960.000	812.860.000
		Trích/ hoàn nhập lương quản lý chứng khoán	-	(4.471.239.493)
Nguyễn Trần Thành	Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày	Lương và thưởng	978.060.000	569.960.000
Trương Phúc Giang	Phó Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	848.278.396	568.760.000
Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	645.060.000	557.360.000
Thù lao HĐQT				
Đặng Hoàng Giang	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/06/2023), Thành	Thù lao HĐQT	36.000.000	36.000.000
Đỗ Thị Mai	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày	Thù lao HĐQT	30.000.000	103.181.818
Thù lao ban kiểm soát				
Nguyễn Thị Xuân	Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 21/5/2022)	Thù lao ban kiểm soát	-	8.045.455
Lương Thị Hiền	Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 21/5/2022)	Thù lao ban kiểm soát	-	5.363.636
Phan Như Long	Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 21/5/2022)	Thù lao ban kiểm soát	-	5.363.636
Đặng Thị Ngọc Trâm	Chủ tịch UBKT	Thù lao ban kiểm soát	70.200.000	-

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt:

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Công ty còn có các khoản chưa được thanh toán với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số dư	Số dư
			31/03/2024	01/04/2023
			VND	VND
Đặng Hoàng Giang	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/06/2023), Thành viên UBKT	Thù lao HĐQT còn phải trả	-	2.700.000
Lê Hải Đoàn	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/06/2023)	Thu nhập còn phải trả	50.996.000	57.685.250
Nguyễn Trần Thành	Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 29/06/2023)	Số dư khoản tạm ứng	300.000.000	300.000.000
		Thu nhập còn phải trả	74.921.251	44.285.250
Trương Phúc Giang	Phó Tổng giám đốc	Số dư khoản tạm ứng	300.000.000	300.000.000
		Thu nhập còn phải trả	57.860.510	47.876.500
Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	Số dư khoản tạm ứng	100.000.000	100.000.000
		Thu nhập còn phải trả	44.505.250	43.866.650
Hoàng Thanh Phúc	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/06/2023)	Số dư khoản tạm ứng	-	220.000.000
Lê Việt Dũng	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 29/06/2023)	Số dư khoản tạm ứng	1.227.500.000	1.227.500.000

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Công ty CP HIPT	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	58.451.790.217	45.308.231.050
		Mua hàng hoá và dịch vụ	2.943.000.000	2.100.000.000
		Góp vốn	-	35.000.000.000
Công ty TNHH HIPT phần mềm	Công ty con (đã thoái vốn 100% tại ngày 30/6/2022)	Mua hàng hoá và dịch vụ	-	6.390.000.000
Công ty CP Đầu tư - xây dựng công trình văn hóa Đô Thị	Công ty liên kết	Góp vốn	-	9.000.000.000
		Hoàn tiền góp vốn	9.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Địa chỉ: 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư số 20/2006TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

9.3 Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

9.4 Số liệu so sánh

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc.

9.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



Nguyễn Trần Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 06 năm 2024

Trần Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Trang
Người lập biểu